TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 06-02-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Bà Nguyễn Thị Quý

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Khắc Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 915/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố A, phường Hi, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Mai Thanh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố A, phường Hiệp B, quận T, Thành phố Chí Minh (hiện đang chấp hành án tại trại giam Phú Hòa - vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2017, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn Bà Lâm Thị Thùy D trình bày: Bà và Ông Mai Thanh H chung sống với nhau từ 2011, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không lo làm ăn, kinh tế gia đình thường khó khăn, vì vậy bất đồng giữa hai bên ngày càng trầm trọng nên năm 2016 bà đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Năm 2017 ông H bị bắt giam vì tội làm phân bón giả. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông H. Thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung là Mai Chấn H sinh ngày 10/11/2013, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi.

Tài sản chung và nợ chung bà D xác định không có.

Bị đơn Ông Mai Thanh H ngày 05/01/2018 có lời khai: Ông xác định ông và bà D kết hôn và chung sống với nhau năm 2011, ông cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng do bị giam, vợ chồng xa cách nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà D. Con chung có 01 trẻ Mai Chấn H sinh ngày 10/11/2013 ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Bà Lâm Thị Thùy D, Ông Mai Thanh H (bản sao);
- Trích lục khai sinh của Mai Chấn H (bản sao);
- Bản án số 17/2017/HSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương(bản photo);
- Sổ thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký (bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

**Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có*

**Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có*

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Lâm Thị Thùy D. Giao con chung tên Mai Chấn H cho bà D nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông Hcấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Lâm Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với Ông Mai Thanh H căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Hcư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho Ông Mai Thanh H, ngày 05/01/2017 ông Hcó đơn xin xét xử vắng mặt, Bà Lâm Thị Thùy D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hiếu, bà D.

[2]Về nội dung:

Ông Mai Thanh H và Bà Lâm Thị Thùy D chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 235 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2010 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, bà D xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông Mai Thanh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông Hchung sống với nhau từ năm 2011, bà D cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông Hcho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn và đồng ý ly hôn với bà D. Vì vậy căn cứ vào lời trình bày

của nguyên đơn, lời khai của bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông Hiếu.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà D và tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà và ông Hcó 01 con chung là: Mai Chấn H sinh ngày 10/11/2013, ghi nhận việc ông Hđồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu ông Hcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của các bên là không có và không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Lâm Thị Thùy D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thùy D được ly hôn với Ông Mai Thanh H .

Về con chung: Giao con chung tên Mai Chấn H sinh ngày 10/11/2013 cho Bà Lâm Thị Thùy D nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông Hcấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc Bà Lâm Thị Thùy D, Ông Mai Thanh H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Lâm Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037131 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà D đã nộp đủ án phí, ông Hkhông phải chịu án phí.

3-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp pháp bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Toà án NDTP.HCM;
- VKS ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND phường Hiệp Bình Phước;
- Các bên đ/sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Trọng Đan